

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HC-ST
Ngày 19-9-2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Vẹn

Ông Nguyễn Hồng Bốn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hương Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vụ án hành chính thụ lý số 05/2023/TLST-HC ngày 07/6/2023 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HC ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Hồng H, sinh năm 1960; địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện C).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc H1, Luật sư của Chi nhánh Công ty L1 tại Vĩnh Long, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện C)

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; địa chỉ: Số E, L, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (xin giải quyết vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

3. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

Cùng địa chỉ: Số B, T, khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Trần Phong B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phong B: Ông Diêu Hùng T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C “Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2023” (xin giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị L: Ông Trần Hồng H, sinh năm 1960; địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh “Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2023” (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân huyện C)

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Tấn Đ – Cán bộ công nghệ thông tin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tại điểm cầu thành phần: Bà Nguyễn Thị Kim T1 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Trần Hồng H trình bày: Ngày 07/9/1995, bà Trần Thị N cư ngụ Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (đã chết năm 1996) có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện C để xin được bồi thường phần diện tích đất 737,5m² nằm thửa số 02, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đất hương quả của gia đình mà nhà nước đã trưng dụng năm 1979 nhưng chưa được giải quyết bồi thường. Đến năm 1996 bà N chết, do bà N không có chồng con nên ngày 04/3/1996 bà Trần Thị T2 (em bà N) cư ngụ Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện C để xin được bồi thường phần đất trên. Bà T2 ủy quyền cho ông Phan Thanh N1 đại diện bà tham gia giải quyết vụ việc. Ngày 16/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 3511/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất đối với hộ ông Phan Thanh N1 khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 23/3/2018, Hội đồng nhân dân huyện C Ban hành Nghị quyết số

64/NQ-HĐND về việc thống nhất chủ trương chi trả tiền bồi hoàn cho ông Phan Thanh N1. Ngày 02/4/2018, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 172/UBND-NC về việc chi trả tiền bồi hoàn cho ông Phan Thanh N1. Sau đó ông N1 đến Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu được nhận tiền bồi hoàn nhưng không được giải quyết. Đến ngày 05/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 2639/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 05/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 2640/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Công văn số 172/UBND-NC về việc chi trả tiền bồi hoàn cho ông Phan Thanh N1. Ngày 19/7/2019, Hội đồng nhân dân huyện C Ban hành Nghị quyết số 108/NQ-HĐND về việc bãi bỏ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 23/3/2018, Hội đồng nhân dân huyện C. Ngày 03/9/2019, bà Cao Thị L (con ruột bà T2) tiếp tục làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường đất. Đại diện cho bà L giải quyết vụ việc là ông Trần Hồng H. Ngày 30/11/2019, Ủy ban nhân dân huyện C có công văn số 288/UBND-NC trả lời đơn của công dân với nội dung chính là không chấp nhận bồi thường đất.

Ngày 22/9/2021, ông H làm đơn khiếu nại Công văn số 288/UBND-NC ngày 30/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 08/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 7370/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H. Không đồng ý với Quyết định số 7370/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ngày 06/12/2021 ông H tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ngày 21/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 578/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H với nội dung bác đơn khiếu nại của ông H, giữ nguyên Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Nay, ông Trần Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu)”; hủy Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần hai)”. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày: Năm 2018, ông Phan Thanh N1 đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T2 (mẹ ruột ông Trần Hồng H) có đơn yêu cầu bồi thường, diện tích đất 737,5m², tọa lạc khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên cơ sở báo cáo xin chủ trương

bồi thường đất của Ủy ban nhân dân huyện C cho ông Phan Thanh N1, Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo Sở T4 phối hợp với Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện C và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra làm rõ nội dung vụ việc. Kết quả, khẳng định việc yêu cầu bồi thường đất của ông Phan Thanh Nghĩa 1 không đủ căn cứ pháp lý để xem xét.

Sau khi bà Trần Thị T2 chết, việc ủy quyền của bà T2 cho ông Phan Thanh N1 không còn giá trị pháp lý. Vì vậy, ông Trần Hồng H (đại diện theo ủy quyền của ông Cao Văn H3 – anh ruột ông H và bà Cao Thị L – chị ruột ông H) tiếp tục có đơn yêu cầu bồi thường đất, diện tích 737,5m² đất. Vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021, nội dung: Bác đơn yêu cầu bồi thường đất, diện tích 737,5m² đất của ông Trần Hồng H. Ngày 21/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T giải quyết khiếu nại (lần hai) tại Quyết định số 578/QĐ-UBND, nội dung: công nhận Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Bác đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường đất, diện tích 737,5m² đất của ông Trần Hồng H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T khẳng định việc giải quyết khiếu nại nêu trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời giữ nguyên quan điểm giải quyết nêu tại Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ông Diêu Hùng T trình bày:

Về Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu). Quá trình giải quyết, ngày 30/11/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C Công văn số 288/UBND-NC về việc trả lời của công dân. Ông Trần Hồng H đại diện theo ủy quyền có đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật. Ngày 08/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C Quyết định số 7370/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu) là đúng quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại được quy định tại khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại.

Về nội dung yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng. Diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh nằm trong diện tích 5.474,2m² thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tài liệu đo đạc năm 2000 tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Kỳ Sơn T3 (thuê đất của

ông Trần K) sử dụng trước giải phóng. Sau giải phóng Nhà nước quản lý, bố trí cho các cơ quan, tổ chức sử dụng đến nay và kê khai qua các thời kỳ đo đạc. Vì vậy, ông Trần Hồng H yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giữ nguyên Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu). Đồng thời, không đồng ý nội dung yêu cầu bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng của ông Trần Hồng H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc đất 737,5m², thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22 là của bà N2 là mẹ ruột của bà N. Sau khi bà ngã chết bà T2 là em ruột của bà N thừa hưởng. Sau giải phóng thì nhà nước trưng dụng diện tích đất này vào năm 1979 để làm công ty lương thực, ...Mặc dù qua các thời kỳ kê khai đăng ký, diện tích đất bà T2 không có mua thêm của ai, mà diện tích có chênh lệch tăng là do các lần đo đạc qua các thời kỳ. Do đó, diện tích đất 737,5m² mà nhà nước trưng dụng vẫn thuộc quyền sử dụng đất của bà T2, nên Ủy ban nhân dân có quyết định chi hỗ trợ, bồi hoàn cho gia đình bà T2 và nghị quyết số 64 của Hội đồng nhân dân huyện C đã thống nhất chi trả tiền bồi hoàn. Không rõ lý do vì sao Hội đồng nhân dân huyện C ra Nghị quyết số 108 thu hồi nghị quyết số 64, gia đình ông H khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trả lời không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của gia đình ông Trần Hồng H. Nay, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu)”; hủy Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần hai)”. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Người khởi kiện, người bị kiện, người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính 2015.

Về nội dung: Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu)”; hủy Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần hai)” đã ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 31 của Luật khiếu nại, về thời hạn ban hành quyết định đúng theo quy định, riêng đối với Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành có trễ 19 ngày so với thời hạn giải quyết khiếu nại lần 2. Về thời hiệu giải quyết vụ án là còn trong thời hạn 1 năm nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì diện tích 737,5m² mà ông H yêu cầu được công nhận có nguồn gốc là của ông Trần K cho ông Kỳ Sơn T3 thuê, sau đó ông Sơn T3 không còn thuê nữa, lúc này ông Trần K không còn quản lý nên diện tích đất thuộc diện nhà nước quản lý. Đối với diện tích đất của gia đình ông Trần Hồng H kê khai 737,5m² thì khi đo đạc được cấp quyền sử dụng đất tăng 1.199,6m², khi Viện kiểm sát hỏi nếu là đất của gia đình ông cho nhà nước làm công ty lương thực, diện tích là bao nhiêu, tứ cận, mốc giới như thế nào thì ông H không xác định được. Do đó căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể xác định việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành quyết định không chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông H là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 192 bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hồng H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích đất của gia đình ông bị trưng dụng, căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H thì Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét tính hợp pháp Công văn số 288/UBND-NC ngày 30/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C; Quyết định số

7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu)”; Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần hai)”. Đồng thời, xem xét yêu cầu của ông H buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02 với số tiền 12.000.000.000 đồng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/11/2019 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 288/UBND-NC về việc trả lời đơn yêu cầu của bà Cao Thị L, đến ngày 08/11/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 7370/QĐ-UBND, đến ngày 21/3/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 578/QĐ-UBND, (ông H nhận được Quyết định số 578/QĐ-UBND vào ngày 28/3/2022 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn C), đến ngày 09/3/2023 ông H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Xét thời gian từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành quyết định hành chính cuối cùng giải quyết yêu cầu của ông H đến khi ông H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án là còn trong thời hạn 01 năm, do đó yêu cầu của ông H vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính được Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết.

[4] Thẩm quyền ban hành Quyết định:

Ngày 28/9/2021, ông Trần Hồng H làm đơn khiếu nại đối với Công văn số 288/UBND-NC ngày 30/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 08/11/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 7370/QĐ-UBND giải quyết đối với đơn khiếu nại của ông H nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Trần Hồng H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu của ông H là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2021, ông Trần Hồng H làm đơn khiếu nại đối với Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ngày 21/3/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 578/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Trần Hồng H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T giải quyết khiếu nại lần hai đối với yêu cầu của ông H là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[5] Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C thụ lý giải quyết khiếu nại từ ngày 08/10/2021 đến ngày 08/11/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban

hành quyết định giải quyết khiếu nại yêu cầu của ông H là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai thời hạn giải quyết không quá 70 ngày kể từ ngày thụ lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết khiếu nại từ ngày 21/12/2021 đến ngày 21/3/2021 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại yêu cầu của ông H là quá thời hạn quy định 19 ngày, tuy nhiên việc trễ hạn này không làm ảnh hưởng đến nội dung của vụ việc.

[6] Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại: Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của ông H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đã tiến hành thành lập tổ xác minh nội dung khiếu nại, có tiến hành xác minh nhiều người, thu thập nhiều tài liệu có liên quan đến khiếu nại, có tổng đạt các văn bản có liên quan cho đương sự, có tổ chức đối thoại trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H được quy định tại các Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H được quy định tại các Điều 38, 39, 40 Luật Khiếu nại 2011.

[7] Xét về yêu cầu của ông Trần Hồng H: Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02 với số tiền 12.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất, diện tích 737,5m² mà gia đình ông Trần Hồng H yêu cầu nằm trong diện tích 5.474,2m² thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tài liệu đo đạc năm 2000, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C do Nhà nước quản lý có nguồn gốc là của gia đình ông Trần K. Khoảng năm 1957, gia đình ông Trần K cho ông Kỳ Sơn T3 thuê diện tích khoảng 07 công đất (trong đó có diện tích 5.474,2m² thửa số 02) để xây dựng nhà máy X. Khoảng năm 1972 ông T3 đi nước ngoài nên nhà máy không còn hoạt động. Sau khi ông T3 đi nước ngoài, phần đất này gia đình ông Trần K cũng không lấy lại sử dụng. Sau giải phòng, nhà máy thuộc diện nhà nước quản lý nên Ủy ban nhân dân huyện C quản lý và tổ chức hoạt động lại nhà máy thời điểm này chủ yếu làm điểm thu mua lương thực.

Năm 1977, Ủy ban nhân dân huyện C có sử dụng một phần đất của các hộ như bà Khánh P, ông Năm H4, bà Trần Thị N, một số hộ khác và sử dụng một phần đất của phòng lương thực quản lý nhưng chưa sử dụng để xây phân xưởng cơ

khí mội của Ban Kiến thiết, khi trưng dụng có bồi thường cây trái, hoa màu cho các hộ bị thiệt hại. Sau khi trưng dụng đất, Ban kiến thiết tiến hành san lấp mặt bằng hết phần đất và chỉ xây dựng 02 phân xưởng cơ khí mội và nhà ở công nhân trên phần đất của gia đình bà Khánh P thì không còn kinh phí để xây dựng; do đó hộ bà T2 và các hộ dân khác tiếp tục sử dụng diện tích đất này cho đến nay (kết quả làm việc với các đồng chí nguyên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, Ban Kiến thiết cơ khí mội tại thời điểm đó đều khẳng định tại các biên bản làm việc)

Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện nhà máy xay xát và chế biến gạo được xây dựng dựa trên phần đất của 03 hộ: Trần Thị T2, Khổng Thị D và bà Lê Thị V, Ủy ban nhân dân huyện C đã bồi hoàn cho 02 hộ bà D, bà V còn bà T2 thì chưa được bồi hoàn do không đúng bởi vì diện tích đất sử dụng làm Nhà máy xay xát không có đất của gia đình bà T2, riêng đối với đất của 02 hộ bà D và bà V thì khi mở rộng kho chứa vào khoảng năm 1986 – 1987 có mở rộng hết phần đất của 02 hộ (theo tài liệu đo đạc năm 1983, thửa 567A diện tích 220m² do bà Khổng Thị D kê khai và thửa 568B diện tích 100m² do bà Lê Thị V kê khai), vì vậy việc xem xét hỗ trợ cho hai hộ trên là phù hợp. Tuy nhiên do không có hồ sơ chi trả bồi hoàn, hỗ trợ nên không xác định được diện tích và thủ tục bồi hoàn, hỗ trợ cho hai hộ.

Đồng thời theo tư liệu đo đạc năm 1983 diện tích đất bà N kê khai tại thửa số 564, tờ bản đồ số 5 là 2.800m², năm 1992 bà N kê khai diện tích là 3.756m², năm 2000 bà Cao Thị L (con bà T2) kê khai và đến năm 2003 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.999,6m². Như vậy diện tích đất của gia đình bà T2 sử dụng tăng 1.199,6m². Trong khi đó diện tích đất của nhà nước quản lý tại thửa 565, 566 tờ bản đồ số 5 là 8.800m² năm 1983, năm 1992 kê khai diện tích 8.297m², đến năm 2000 diện tích kê khai còn lại là 5.474,2m², diện tích nhà nước sử dụng giảm 3.325,8m². Nguyên nhân giảm là do Ủy ban nhân dân huyện C trả lại đất cho bà Khánh P và phần diện tích gia đình bà T2 sử dụng.

Việc ông H căn cứ vào các biên lai đóng thuế trước giải phóng và sau giải phóng để yêu cầu bồi thường là chưa đủ cơ sở, vì theo biên lai thu thuế không xác định được vị trí đất mà gia đình bà T2 đã sử dụng trước đây, không xác định được biên lai thu thuế chính là thu thuế đối với diện tích đất mà ông H đang yêu cầu. Bên cạnh đó gia đình bà T2 cũng có phần đất tại khóm B, thị trấn C (giáp ranh với vị trí đất tranh chấp yêu cầu bồi thường) nên các biên lai ông H nộp không chứng minh được diện tích đất ông H yêu cầu bồi thường do gia đình ông sử dụng và thuộc quyền sở hữu của gia đình ông.

Đối với những người làm chứng biết được sự việc sử dụng đất tranh chấp do ông H cung cấp đều thể hiện những người này không nắm rõ nhà nước có trưng dụng phần đất của gia đình ông H hoặc sử dụng thế nào với diện tích là bao nhiêu,

đồng thời những người này cũng không nắm rõ diện tích, ranh giới đất của gia đình ông H như thế nào nên không đủ cơ sở để xác định diện tích đất 737,5m² mà ông H yêu cầu nằm trong phần đất mà Ủy ban nhân dân huyện C trưng dụng.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 thì “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N3 dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Xét thấy nội dung công văn số 288/UBND-NC ngày 30/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C phù hợp với những tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đúng quy định pháp luật. Các Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh T đều có nội dung giữ nguyên công văn số 288. Nên đều có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[11] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không có căn cứ, không phù hợp với tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần tranh luận tại phiên tòa và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Từ các phân tích trên xét thấy việc ông Trần Hồng H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu)”; hủy Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh T “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần hai)”. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[14] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông H có đơn xin miễn án phí, được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 28, khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 7370/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần đầu)”; hủy Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T “về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Hồng H (lần hai)”. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường diện tích 737,5m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với số tiền 12.000.000.000 đồng.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Hồng H được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trịnh Hữu Bình